



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP

Ngày 31/12/2025	19,450 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.5%	-4.7%	2.6%

DT thuần Q4/25
12,689
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4,343 52.0%
YoY: ▲ 1,435 12.7%

LN thuần Q4/25
3,116
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2,946 1733%
YoY: ▲ 3,526 860%

LN sau thuế Q4/25
2,558
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2,391 1432%
YoY: ▲ 2,997 683%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
13.6%
YoY: +/- ▲ 10.2%

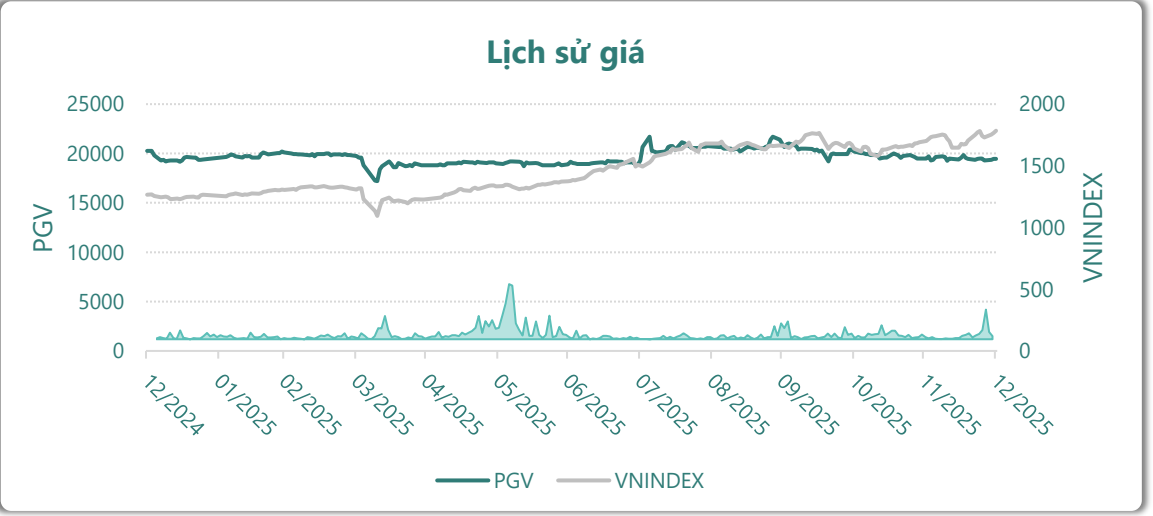
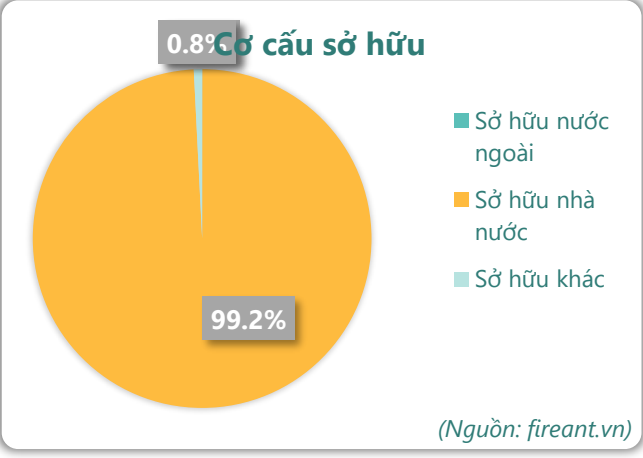
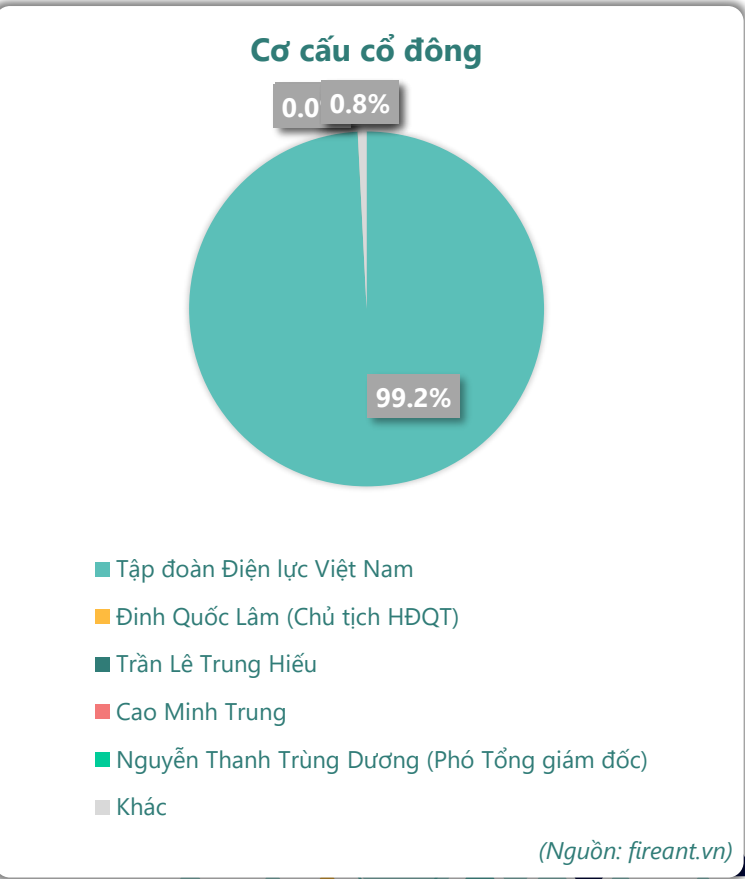
ROE 2025
22.7%
YoY: +/- ▲ 28.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,200 - 21,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21,851
Số lượng CPLH (CP)	1,123,468,046
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,545
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.26
EPS	3,285
P/E	5.9

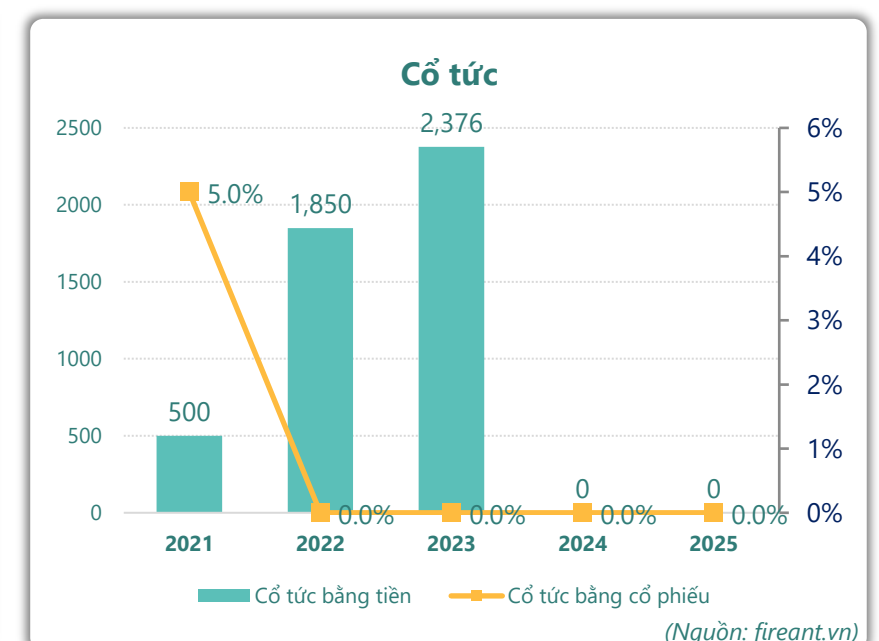
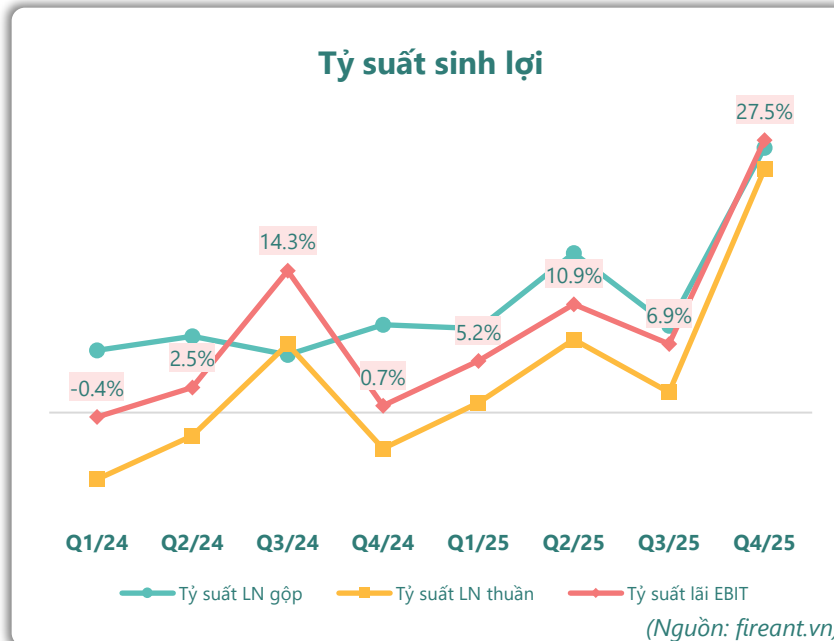
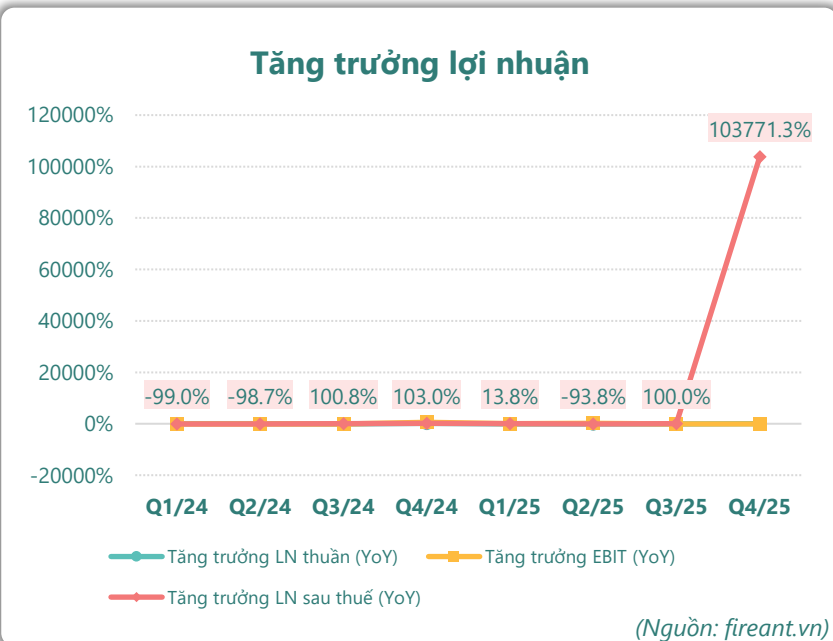
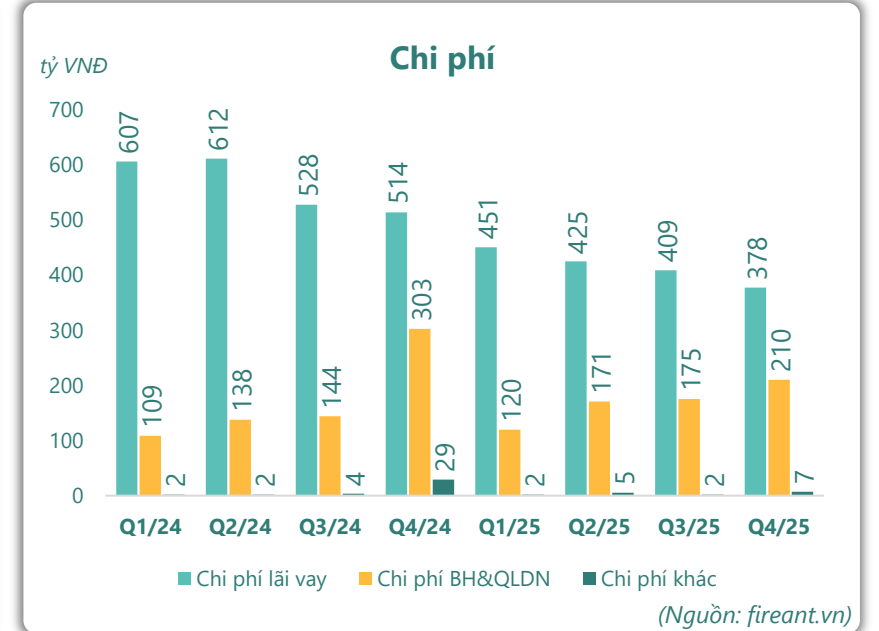
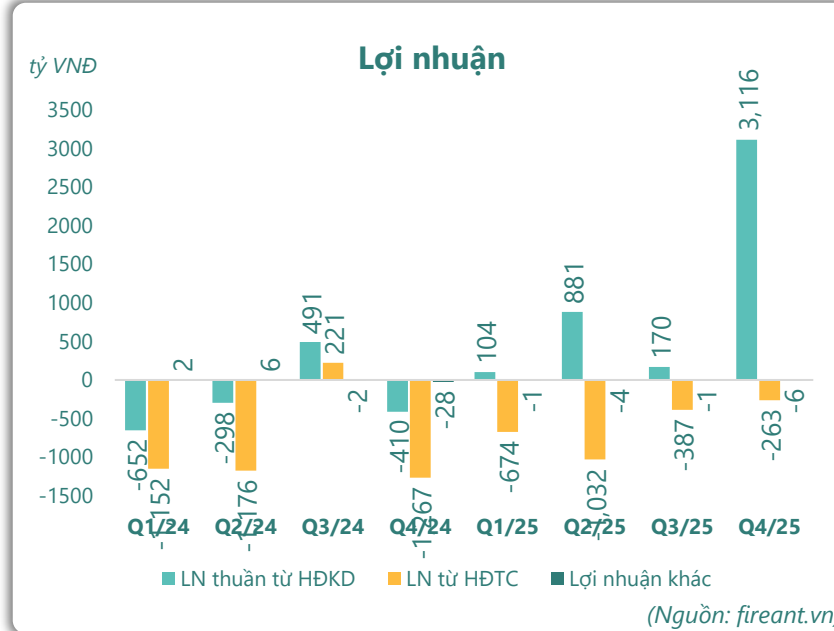
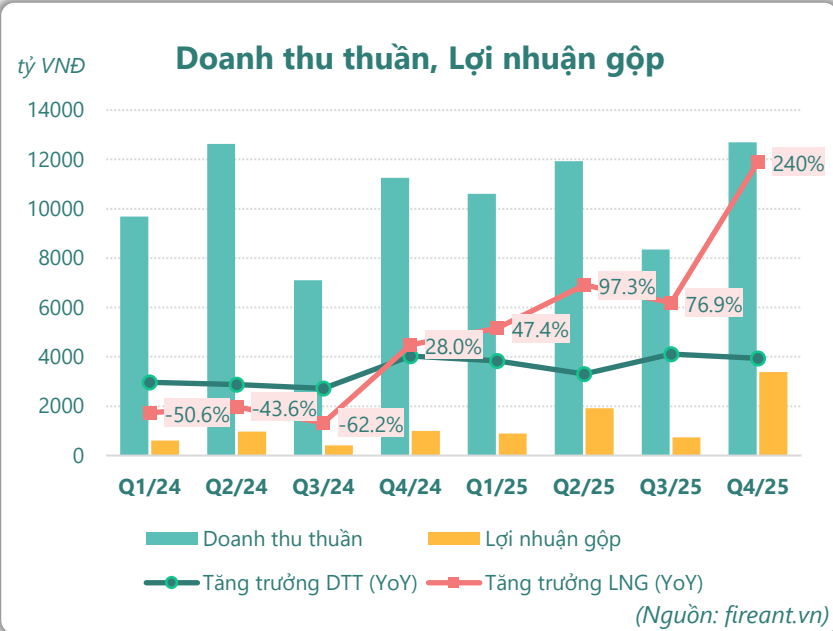
DT thuần 2025
43,573
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,883 7.1%

LN thuần 2025
4,271
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5,117 605%

LN sau thuế 2025
3,703
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,579 523%



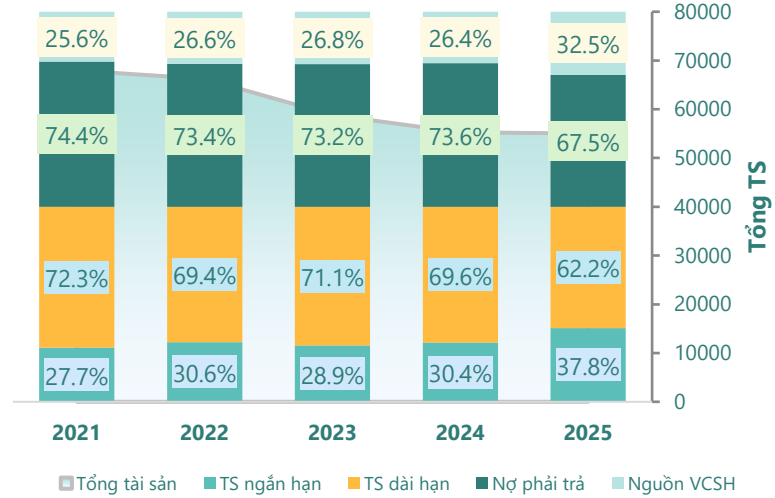
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

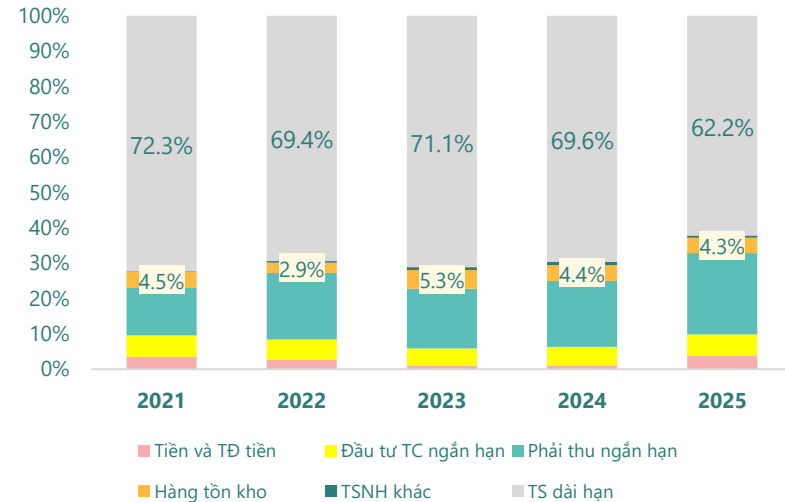
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

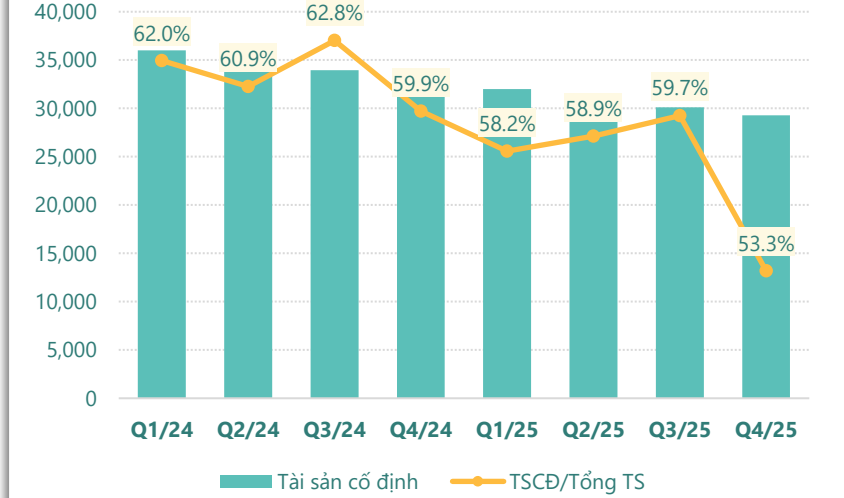
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

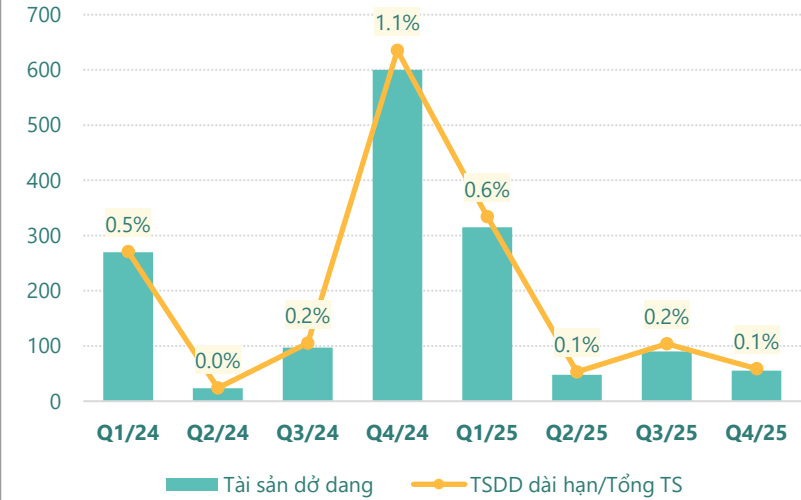
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

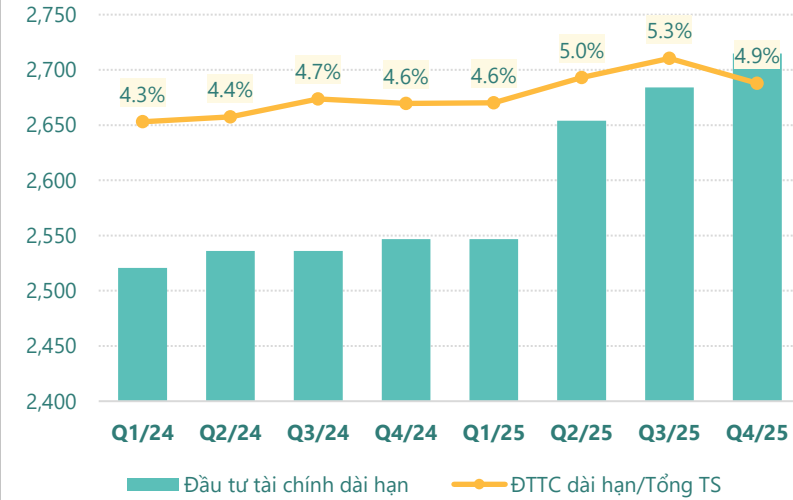
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

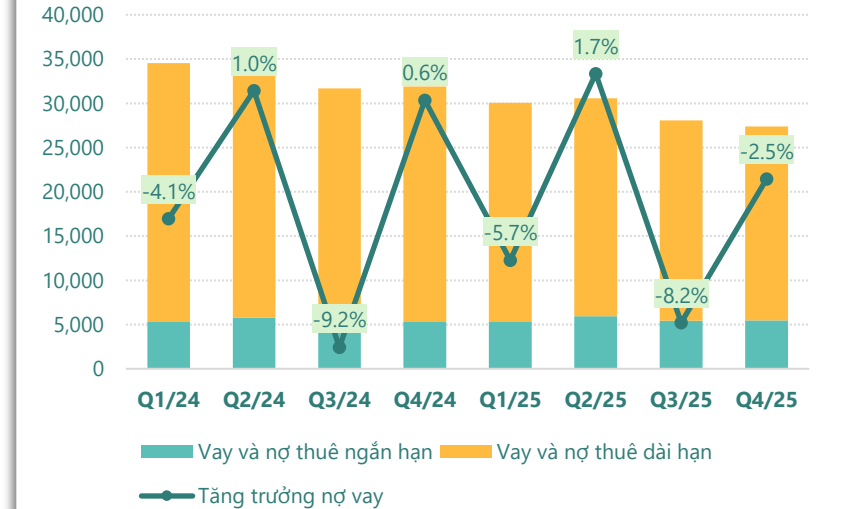
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

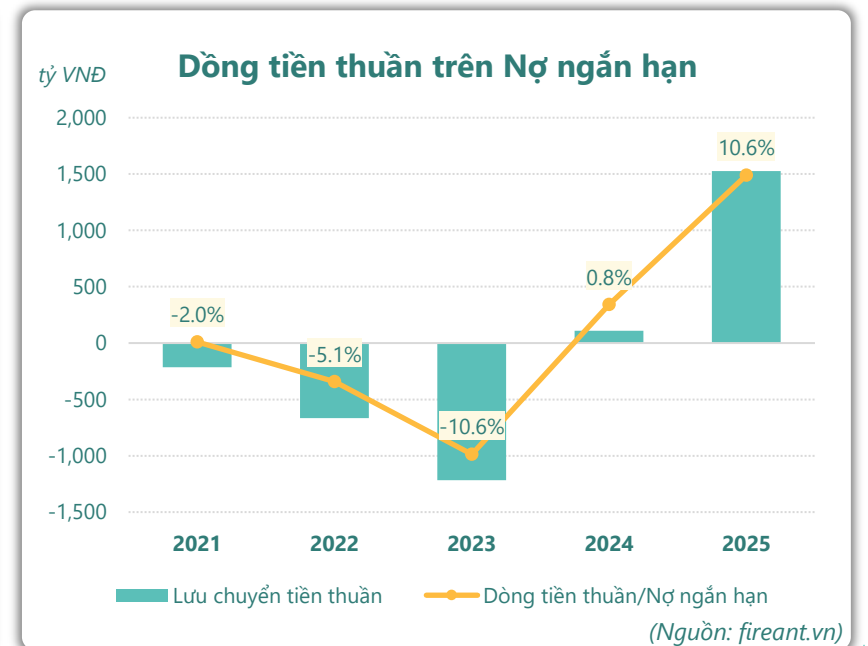
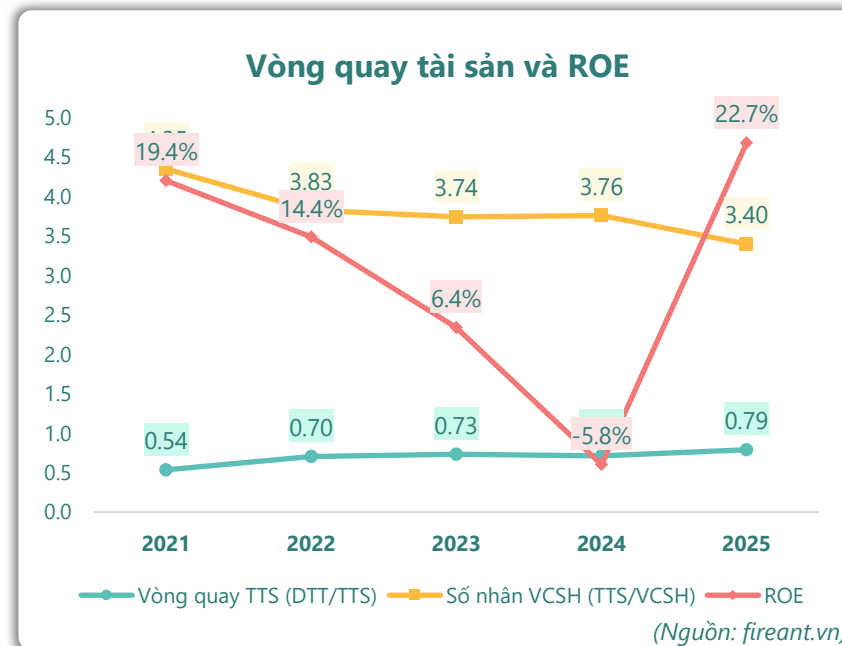
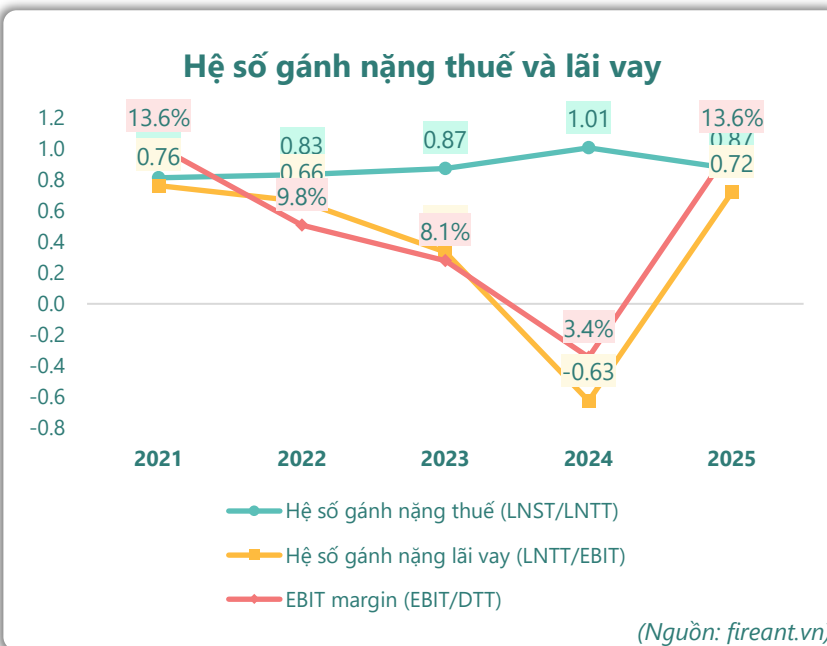
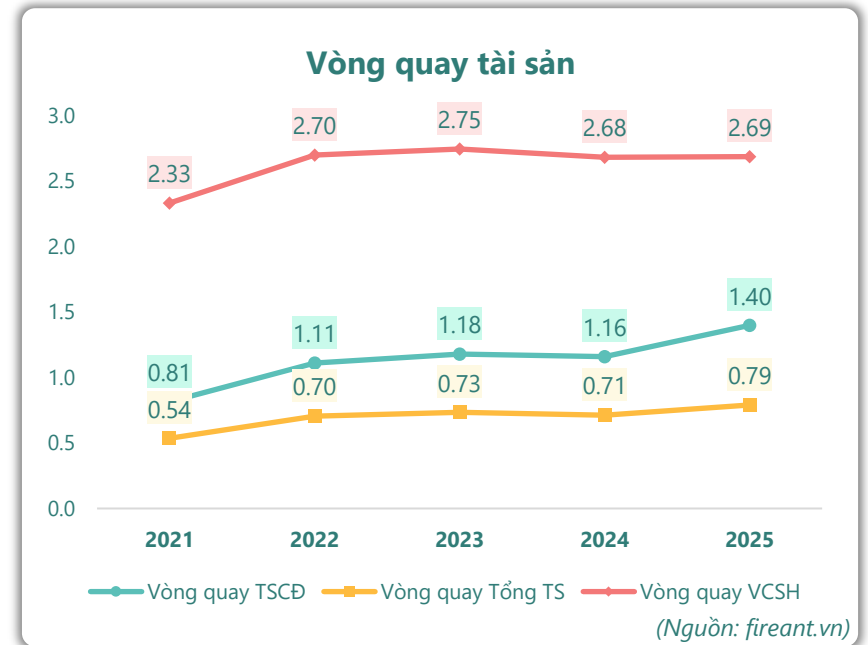
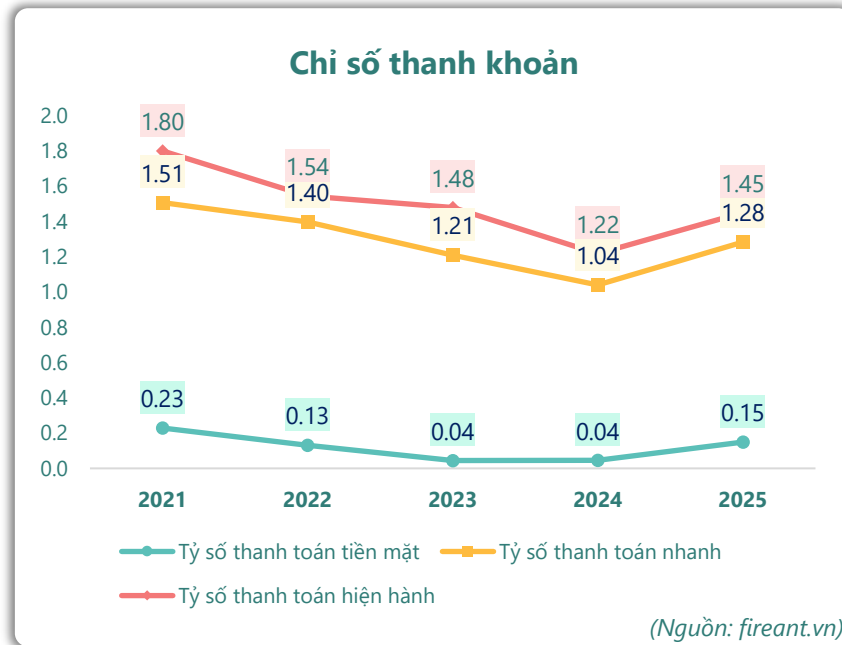
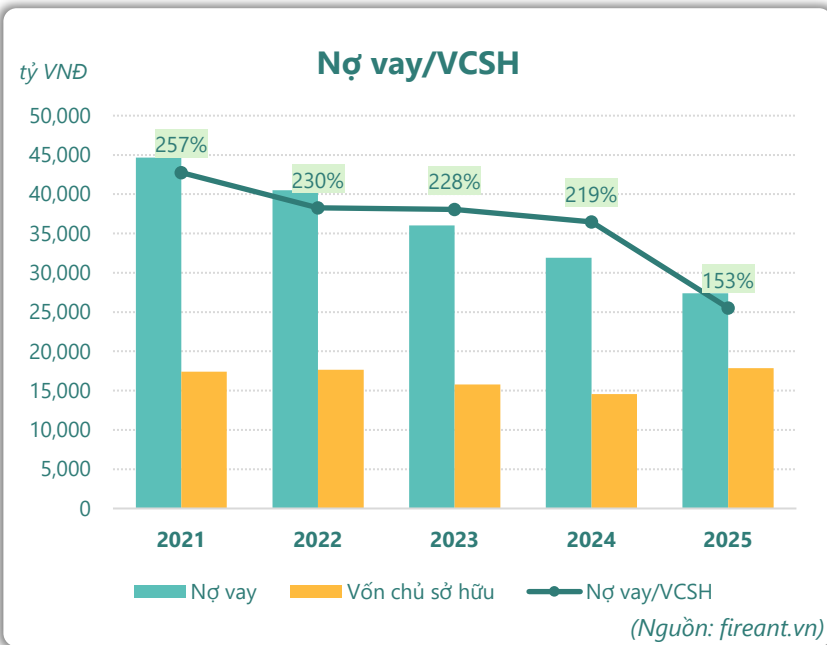
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	12,689	11,254	12.7%	43,573	40,690	7.1%
Giá vốn hàng bán	9,302	10,258	-9.3%	36,638	37,710	-2.8%
Lợi nhuận gộp	3,387	996	240%	6,935	2,980	133%
Doanh thu HĐTC	-5.42	39.3	-114%	197	246	-20.1%
Chi phí TC	257	1,307	-80.3%	2,552	3,607	-29.3%
Chi phí lãi vay	378	514	-26.5%	1,663	2,261	-26.5%
LN trong công ty LKLD	202	164	23.0%	367	208	76.9%
Chi phí bán hàng	0.10	0.03	240%	0.19	0.16	23.5%
Chi phí QLDN	210	303	-30.7%	676	672	0.6%
LN thuần từ HĐKD	3,116	-410	860%	4,271	-846	605%
Lợi nhuận khác	-5.61	-27.7	79.7%	-11.9	-24.7	51.8%
LN trước thuế	3,110	-438	810%	4,259	-871	589%
Lợi nhuận sau thuế	2,558	-439	683%	3,703	-876	523%
LNST của CĐ cty mẹ	2,554	-442	678%	3,690	-878	520%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,296	-173	-340	-130	2,579	1,981
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	85.9	-247	44.2	40.3	-210	-694
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-505	-100	-63.3	405	-1,507	-579
Tiền đầu kỳ	261	1,139	619	260	575	1,436
Lưu chuyển tiền thuần	877	-520	-359	315	861	708
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,139	619	260	575	1,436	2,144

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	54,989	55,267	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	20,810	16,821	23.7%
Tiền và tương đương tiền	2,144	619	246%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,257	2,880	13.1%
Phải thu ngắn hạn	12,654	10,331	22.5%
Hàng tồn kho	2,386	2,454	-2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	369	537	-31.4%
Tài sản dài hạn	34,179	38,446	-11.1%
Phải thu dài hạn	1.34	3.66	-63.4%
Tài sản cố định	29,296	33,015	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.2	613	-91.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,715	2,547	6.6%
Tài sản dài hạn khác	2,112	2,268	-6.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37,115	40,697	-8.8%
Nợ ngắn hạn	14,357	13,814	3.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,452	5,885	-7.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,002	5,610	-10.8%
Nợ dài hạn	22,759	26,883	-15.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	21,926	26,010	-15.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	17,873	14,570	22.7%
Vốn chủ sở hữu	17,873	14,570	22.7%
Vốn điều lệ	11,235	11,235	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

